

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13/8/2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 29/2019/TLST- KDTM ngày 06/6/2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: số H, phường L, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông P- Chủ tịch HĐQT; người đại diện theo ủy quyền: Ông Ph - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B; người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Xuân T – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Đ– Chi nhánh B; địa chỉ: Số đường Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Theo văn bản uỷ quyền số 718/QĐ-BIDV.BQB ngày 05/6/2019.

Ngân hàng T; địa chỉ: Số 22, đường N, phường T, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ng – Chủ tịch HĐQT; người đại diện theo ủy quyền: Ông M - Giám đốc Khối QL&TCTTS; người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông H – Chuyên viên Phòng QLKH Miền Trung – Khối QL&TCTTS; địa chỉ: Lô A đường, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo văn bản uỷ quyền số 3026/UQ-PVB ngày 19/3/2019.

- Bị đơn: Công ty cổ phần C; địa chỉ: Số 2, đường H, phường Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; người đại diện theo pháp luật: Ông C, TGD; người đại diện theo uỷ quyền: Ông N – Kỹ sư xây dựng – Công ty cổ phần C. Theo văn bản uỷ quyền ngày 25/7/2019.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/HĐTD-C ngày 03/08/2007 và các phụ lục hợp đồng; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 19/01/2012 (bao gồm các khoản nợ chuyển tiếp từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2010/HĐ ngày 23/11/2010); Hợp đồng tín dụng ngắn hạn theo món số 01/2012/HĐ ngày 31/08/2012.

Công ty Cổ phần C phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ và Ngân hàng T với tổng số tiền tính đến ngày 13/08/2019 là: 530.859.925.562 đồng và 16.675.196,83 USD.

Trong đó:

- Công ty Cổ phần C phải trả cho Ngân hàng T là 273.726.100.244 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba tỷ, bảy trăm hai mươi sáu triệu, một trăm ngàn, hai trăm bốn mươi bốn đồng*) (Trong đó: Nợ gốc là 113.244.462.707 đồng; nợ lãi trong hạn là 135.261.749.613 đồng; lãi quá hạn là 25.129.887.923 đồng) và 8.004.094,52 USD (*Bằng chữ: Tám triệu, không trăm không bốn ngàn, không trăm chín mươi bốn phẩy năm hai USD*) (Trong đó: Nợ gốc là 4.910.130,94 USD; nợ lãi trong hạn là 2.612.939,46 USD; lãi quá hạn là 481.024,12 USD).

- Công ty Cổ phần C phải trả cho Ngân hàng T là: 257.133.825.318 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bảy tỷ, một trăm ba mươi ba triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn, ba trăm mười tám đồng*) (Trong đó: Nợ gốc là 107.320.360.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 127.659.499.837 đồng; nợ lãi quá hạn là 22.153.965.481 đồng) và 8.671.102,31 USD (*Bằng chữ: Tám triệu, sáu trăm bảy mươi một ngàn, một trăm không hai phẩy ba một USD*) (Trong đó: Nợ gốc là 5.319.308,49 USD; nợ lãi trong hạn là 2.830.684,36 USD; nợ lãi quá hạn là 521.109,47 USD).

- Kể từ ngày 14/8/2019 Công ty Cổ phần C phải tiếp tục trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-C ngày 03/08/2007; các phụ lục hợp đồng; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 19/01/2012 (bao gồm các khoản nợ chuyển tiếp từ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐ ngày 23/11/2010); Hợp đồng tín dụng ngắn hạn theo món số 01/2012/HĐ ngày 31/08/2012.

- Thời hạn trả số tiền trên chậm nhất đến hết ngày 13/10/2019.

- Sau ngày 13/10/2019, Công ty Cổ phần C không trả hết số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ, Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự xử lý các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp sau:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản trên đất thuê hình thành trong tương lai số 02/2008/HĐ ngày 05/09/2008. Tài sản bảo đảm là các tài sản trên đất thuê hình thành trong tương lai của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy A đã được Công ty cổ phần C lập ngày 25/10/2006 trên thửa đất số 317, tờ bản đồ 30, địa chỉ thửa đất xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 249352 do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/7/2007 mang tên Công ty cổ phần C và Phụ lục Hợp đồng số 01/2013/PLHĐ ngày 31/01/2013 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản trên đất thuê hình thành trong tương lai số 02/2008/HĐ ngày 05/09/2008.

+ Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2013/HĐ ngày 04/9/2013. Tài sản bảo đảm gồm: Xe ô tô Toyota biển kiểm soát 73L-9277 (GCNĐK số 004796 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 03/9/2009) Mang tên Công ty cổ phần C; Máy xúc lật bánh lốp hiệu LiuGong ZL40B (Hóa đơn GTGT số 0052564 ngày 02/10/2010 của Công ty); Máy xúc lật bánh lốp hiệu LiuGong ZL40B (Hóa đơn GTGT số 0052565 ngày 02/10/2010 của Công ty).

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/525359/HĐBĐ ngày 11/02/2015. Tài sản bảo đảm gồm: Quyền khai thác mỏ đá vôi L tại KM số 4 đường 10, xã Ng, huyện L, tỉnh Quảng Bình (Giấy phép khai thác khoáng sản số 2544/GP-BTNMT ngày 12/11/2014 do Bộ Tài Nguyên Môi Trường cấp cho Công ty cổ phần Cosevco 6, được đăng ký Nhà nước tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam số 13-2015/ĐK-KT ngày 28/01/2015); Quyền khai thác mỏ đá sét tại KM số 3 đường, thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình (Giấy phép khai thác khoáng sản số 2200/GP-BTNMT ngày 07/10/2014 do Bộ Tài Nguyên Môi Trường cấp cho Công ty cổ phần Cosevco 6, được đăng ký Nhà nước tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam số 12-2015/ĐK-KT ngày 28/01/2015).

- Số tiền thu được từ việc bán tài sản thế chấp (sau khi khấu trừ các khoản chi phí liên quan đến xử lý tài sản đảm bảo theo quy định của Pháp luật) sẽ được phân chia theo tỷ lệ dư nợ vay của Ngân hàng TMCP Đ và Ngân hàng T so với tổng dư nợ gốc và các khoản lãi vay theo các Hợp đồng tín dụng dài hạn; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Công ty Cổ phần C phải chịu án phí trên phần phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ với số tiền là 284.330.864 đồng, để sung quỹ Nhà nước.

- Công ty Cổ phần C phải chịu án phí trên phần phải trả cho Ngân hàng T với số tiền là 283.823.710 đồng, để sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 277.616.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000890 ngày 06/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Ngân hàng T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 276.762.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000899 ngày 06/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành án theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TP. Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- THADS TP. Đồng Hới;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

(đã kts)

Hoàng Văn Lộc